

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – tự do – hạnh phúc

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12-8-2019

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU-TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Trung Chiến.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Bình.

2. Bà Nguyễn Ngọc Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 336/2019/HNGĐ-ST ngày 17/7/2019 về “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn H, sinh năm 1959 (có mặt)

Trú tại: tổ 6, ấp 9, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Hiện trú tại: Số 18/155, KP6, phường L, quận T, TP. Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Vũ Thị T, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Trú tại: tổ 6, ấp 9, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Hiện đang chấp hành án tại trại giam T, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/7/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Lê Văn H trình bày:

Ông và bà Vũ Thị T đã chung sống với nhau từ năm 1982 có làm thủ tục đăng ký kết hôn, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh B vào năm 1982, nhưng đã bị thất lạc, không còn nên nay ông chỉ cung cấp được giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

do bà T không quan tâm đến chồng con, ham chơi, cờ bạc, số đề, năm 2015 bà T bị Tòa án xét xử về tội mua bán trái phép chất ma túy đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy ông làm đơn xin được ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 04 con chung, tên các cháu là Lê Thế A, sinh ngày 03/9/1984, Lê Anh V, sinh ngày 06/9/1985, Lê Thị Hào H, sinh ngày 18/02/1990 và Lê Thị Linh T, sinh ngày 19/9/1994, hiện tại cả 04 người con đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về chia tài sản:

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà Vũ Thị T xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình tiến hành tố tụng, bà trình bày:

Bà công nhận lời trình bày của ông H là đúng về hôn nhân và mâu thuẫn, bà và ông Lê Văn H được sự đồng ý của hai gia đình đã kết hôn vào năm 1982. Nay ông H làm đơn xin ly hôn bà đồng ý ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 04 con chung, tên các cháu là Lê Thế A, sinh ngày 03/9/1984, Lê Anh V, sinh ngày 06/9/1985, Lê Thị Hào H, sinh ngày 18/02/1990 và Lê Thị Linh T, sinh ngày 19/9/1994, hiện tại cả 04 người con đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu:

Về tố tụng: Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Ông H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

Bà Vũ Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt hợp lệ. Căn cứ khoản 1 Điều 227 xét xử vắng mặt bà T.

[2]. Về nội dung: Ông Lê Văn H và bà Vũ Thị T kết hôn với nhau từ những năm 1982 nay giấy đăng ký kết hôn bị thất lạc (không có giấy đăng ký kết hôn). Áp

dụng Nghị quyết số 35 quy định về hôn nhân được coi là hôn nhân thực tế khi xác lập quan hệ hôn nhân trước ngày 03/01/1987, nên quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà T là hợp pháp.

2.1). Yêu cầu của ông H xin được ly hôn với bà T. Vì ông H cho rằng cuộc sống của vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bà T không quan tâm đến chồng con, cờ bạc ... nay bà T đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông, bà là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn đoàn tụ được, nên cho ông H được ly hôn với bà T là phù hợp với quy định của pháp luật.

2.2). Về nuôi con chung: Các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2.3). Về chia tài sản:

Về tài sản chung: Các bên thống nhất tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nợ chung: Các bên trình bày không có, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4). Về án phí: Ông H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

2.5). Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ các điều 28; 35; 39; 147; 228; 269; 271; 273; 278; 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ các điều 51; 56; 57 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[2]. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2.1). Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Lê Văn H và bà Vũ Thị T.

2.2). Về nuôi con chung: Đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xét.

2.3). Về chia tài sản:

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

Nợ chung: Không có, Không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

3]. Về án phí: Ông Lê Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm mà ông H đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001977 ngày 16/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, ông H đã nộp đủ.

Ông H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà T vắng mặt tại phiên tòa, nên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- TAND tỉnh DN;
- THADS huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã Hương Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Trung Chiến

